

Số: 1446 /TB - ĐKTLN

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2022

## THÔNG BÁO

**Kết luận số 1383/KL-ĐKTLN ngày 03/8/2022 của Đoàn kiểm tra về kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; xây dựng; y tế; an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền**

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2022, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực: đất đai; xây dựng; y tế; an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền.

Trên cơ sở kết quả làm việc, Biên bản kiểm tra, Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn (Báo cáo kiểm tra) và các thông tin, tài liệu có liên quan, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kết luận số 1383/KL-ĐKTLN ngày 03/8/2022 kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực: đất đai; xây dựng; y tế; an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2020.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Đoàn kiểm tra thông báo công khai Kết luận kiểm tra như sau:

### I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị trấn quan tâm, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn về các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, công tác này vẫn còn những hạn chế, tồn tại, sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện và cần phải được chấn chỉnh, xử lý, khắc phục kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác này trong thời gian tới.

### II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Hàng năm trên cơ sở kế hoạch thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn đã xây dựng, ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện.

Đồng thời, trên cơ sở nghị quyết của Đảng ủy, nghị quyết Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành chương trình công tác tư pháp, tuyên truyền pháp luật và phân công cán bộ phụ trách địa bàn, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là lực lượng nông cốt để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân thị trấn quan tâm, chỉ đạo thực hiện với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần đưa pháp luật nói chung trong đó có pháp luật về xử lý vi phạm hành chính vào đời sống xã hội, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của nhân dân. Hàng năm đều cử cán bộ, công chức tham dự tập huấn theo kế hoạch của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện.

c) Đã bố trí công chức và các điều kiện khác để bảo đảm cho việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

d) Công tác báo cáo, thống kê số liệu theo định kỳ, đột xuất hàng năm về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, đúng đề cương và đầy đủ các biểu mẫu theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tư pháp.

đ) Việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khoa học thuận tiện cho công tác quản lý, nhất là trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

## 2. Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

a) Việc thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội về cơ bản việc lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

b) Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2020, người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Công an thị trấn Phong Điền đã ban hành 15 quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Số quyết định xử phạt đã thi hành 15 quyết định (chiếm tỷ lệ 100%). Số tiền thu được là 58.025.000 đồng. Đồng thời, chuyển 06 vụ việc vi phạm đến Ủy ban nhân dân huyện để xử lý theo thẩm quyền.

c) Quá trình xử phạt vi phạm hành chính không phát sinh khiếu nại, tố cáo.

## III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Sự phối hợp của các đơn vị trong công tác xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực đôi lúc còn thiếu thường xuyên, có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức mặc dù đã được đào tạo, tập huấn song tính chuyên sâu trong công tác xử lý vi phạm hành chính còn hạn chế, lúng túng.

c) Công chức Địa chính - xây dựng và Tư pháp - Hộ tịch mới được bố trí 01 người/01 chức danh, phải kiêm nhiệm nhiều việc do đó đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác này.

## 2. Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

Đoàn kiểm tra đã kiểm tra xác suất trực tiếp một số hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Kết quả kiểm tra cho thấy, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, sai sót cần chấn chỉnh, xử lý, khắc phục, cụ thể:

### 2.1. Đối với các lĩnh vực: đất đai, xây dựng

Theo Báo cáo kiểm tra (Báo cáo số 153/BC-UBND) trong thời kỳ kiểm tra, Ủy ban nhân dân thị trấn không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực này mà chỉ lập Biên bản vi phạm hành chính và chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân huyện để xử lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên, qua kiểm tra các Biên bản vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn lập được lưu hồ sơ xử phạt tại Ủy ban nhân dân huyện thì vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, sai sót, cụ thể:

#### 2.1.1. Về lĩnh vực đất đai

##### a) Về Biên bản vi phạm hành chính

\* Ghi không đúng, không đầy đủ hành vi vi phạm hành chính

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 1156/QĐ-XPVPHC ngày 13/8/2020 thể hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm đất chưa sử dụng quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP quy định mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 đối với trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) tại khu vực đô thị.

Theo đó, phụ thuộc vào loại đất bị lấn, chiếm và diện tích đất bị lấn chiếm sẽ có những mức xử phạt khác nhau. Việc không ghi rõ, cụ thể hành vi vi phạm hành chính thuộc điểm nào (a, b, c,..) khoản nào (1, 2, 3, 4) Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP mà chỉ thể hiện là khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP là không đúng, không đầy đủ hành vi vi phạm và chưa đảm bảo phù hợp với hướng dẫn tại mục (9) Mẫu Biên bản số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

\* Về ký biên bản vi phạm hành chính

Khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

“3. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký;

*trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.”*

Tại các Biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 14/7/2020, 04/BB-VPHC ngày 07/8/2020 thể hiện có 03 tờ. Tuy nhiên, tại biên bản người lập biên bản lại không ký vào từng tờ của biên bản. Như vậy, là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

\* Về việc lập biên bản vi phạm hành chính

Khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.*

...”

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 14/7/2020 thể hiện việc lập biên bản căn cứ vào Biên bản kiểm tra hiện trường lập ngày 30/6/2020 và tại biên bản này đã xác định rõ hành vi vi phạm (chiếm đất từ ngày 27/6/2020). Đồng thời, tại biên bản làm việc ngày 03/7/2020 cũng thể hiện rõ hành vi vi phạm (việc đề công trình trái phép của ông ... là không đúng theo quy định của pháp luật). Tuy nhiên, đến ngày 14/7/2020, mới lập Biên bản vi phạm hành chính là chưa đảm bảo tính kịp thời theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên và nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật*).

b) Về giải trình

Khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“2. Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.*

...

*3. Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính”*

Tại Biên bản vi phạm hành chính của hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 1156/QĐ-XPVPHC ngày 13/8/2020 thể hiện: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông ... là cá nhân vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp /văn bản giải trình đến ông Chủ tịch UBND huyện Phong Điền để thực hiện quyền giải trình.”

Việc quy định thời hạn giải trình (05 ngày làm việc) áp dụng cho cả 02 (hai) trường hợp giải trình bằng văn bản và giải trình trực tiếp là không phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

### **2.1.2. Về lĩnh vực xây dựng**

Theo Báo cáo số 179/BC-UBND, 240/BC-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền, trong thời kỳ kiểm tra, người có thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân huyện chỉ ban hành 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Và tại hồ sơ xử phạt này, có căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC (Biên bản số 02/BB-VPHC) do người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền lập ngày 01/3/2019.

Tại Biên bản số 02/BB-VPHC thể hiện:

“Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, bà ... là cá nhân vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp /văn bản giải trình đến ông Chủ tịch UBND huyện Phong Điền để thực hiện quyền giải trình.”

Việc quy định thời hạn giải trình (05 ngày làm việc) áp dụng cho cả 02 (hai) trường hợp giải trình bằng văn bản và giải trình trực tiếp là không phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu tại điểm b mục 2.1 khoản 2 phần III Kết luận này.

### **2.2. Đối với lĩnh vực y tế**

#### *a) Về Biên bản vi phạm hành chính*

Theo hướng dẫn tại mục (8) mẫu Biên bản số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì nội dung “Đã có các hành vi vi phạm hành chính” phải ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm, ...). Tuy nhiên, tại các Biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 09/4/2020; 05/BB-VPHC ngày 08/8/2020 và 06/BB-VPHC ngày 08/8/2020 không ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm theo hướng dẫn nêu trên.

Đồng thời, tại Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC ngày 08/8/2020, không ghi các căn cứ của việc lập biên bản là không phù hợp với hướng dẫn tại mục (4) mẫu Biên bản số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.

#### **\* Về ký biên bản vi phạm hành chính**

Khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“3. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.”*

Tại các Biên bản vi phạm hành chính số: 05/BB-VPHC ngày 08/8/2020, 06/BB-VPHC ngày 08/8/2020, 02 /BB-VPHC ngày 09/4/2020; thể hiện có người chứng kiến và có 02 tờ . Tuy nhiên, tại biên bản người chứng kiến và người vi phạm lại không ký vào từng tờ của biên bản (05/BB-VPHC, 06/BB-VPHC) hoặc người chứng kiến không ký vào biên bản (02/BB-VPHC). Như vậy, là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

*b) Về Quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính*

Tại phần căn cứ ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế có căn cứ Quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 71/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 (Quyết định số 71/QĐ-UBND).

Tuy nhiên, Quyết định số 71/QĐ-UBND không xác định rõ các nội dung về: phạm vi, nội dung và thời hạn giao quyền là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Mặt khác, ngày 18/8/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, theo đó các nội dung về giao quyền quy định tại khoản 4 Điều 5 cũng được sửa đổi, bổ sung (khoản 3 Điều 1), đồng thời Nghị định số 97/2017/NĐ-CP cũng ban hành mẫu Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ29) và hiện nay là mẫu MQĐ34 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, địa phương đã không kịp thời kiểm tra, rà soát để ban hành mới cho phù hợp.

*c) Về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính*

Khoản 2 Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“2. Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục”.*

Tuy nhiên, các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế không được đánh bút lục theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

### 2.3. Đối với lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội

#### a) Về Biên bản vi phạm hành chính

Tại mục “Nội dung vi phạm hành chính” mẫu Biên bản vi phạm hành chính số 43 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ Công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân (Thông tư số 07/2019/TT-BCA), hướng dẫn: (ghi rõ thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm hành chính tại Điểm, Khoản, Điều của Nghị định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực cụ thể và các tình tiết có liên quan).

Tuy nhiên, tại Biên bản vi phạm hành chính số 0000517/BB-VPHC quyền số 006 lập ngày 08/01/2020 không ghi hành vi vi phạm hành chính tại Điểm, Khoản, Điều nào của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP là không phù hợp với hướng dẫn nêu trên.

#### b) Về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

\* Điều 2 (đối tượng áp dụng) Thông tư số 07/2019/TT-BCA quy định:

“Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân.”

Tuy nhiên, các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền ban hành áp dụng theo mẫu Quyết định ban hành Thông tư số 07/2019/TT-BCA là không đúng quy định, vì không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này, mà theo quy định phải áp dụng mẫu Quyết định số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

#### \* Về tình tiết tăng nặng

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC ngày 05/02/2020 thể hiện: “Tình tiết tăng nặng: ... có 01 tiền sự về hành vi vi phạm xâm hại đến sức khỏe của người khác”.

Việc ghi nhận tăng nặng như đã nêu trên là không phù hợp với Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Luật Xử lý vi phạm hành chính **không quy định** “có tiền sự” là tình tiết tăng nặng, mà chỉ quy định “vi phạm hành chính nhiều lần; tái phạm” mới là tình tiết tăng nặng.

#### c) Về giải trình

\* Cho cá nhân vi phạm giải trình đối với trường hợp không thuộc trường hợp được quyền giải trình

Khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt trước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.”*

Như vậy, chỉ những hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt như đã nêu trên thì cá nhân, tổ chức vi phạm mới có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình theo quy định).

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 0025725/BB-VPHC ngày 07/5/2019 thể hiện hành vi vi phạm “say rượu, bia gây mất trật tự công cộng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Theo đó, với hành vi này sẽ bị xử phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại mục (12) Biên bản vi phạm hành chính số 0025725/BB-VPHC thể hiện: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà) ... là cá nhân vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu giải trình được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình đến ... để thực hiện quyền giải trình”. Như vậy, việc cho cá nhân vi phạm giải trình đối với vụ việc không thuộc trường hợp được quyền giải trình là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

Tương tự, là các Biên bản vi phạm hành chính số: 0025710/BB-VPHC ngày 08/3/2019 (hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, với hình thức, mức xử phạt là: phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng); 0000519/BB-VPHC ngày 24/02/2020 (hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, với hình thức, mức xử phạt là: phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng); 0000518/BB-VPHC ngày 30/01/2020 (hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, với hình thức, mức xử phạt là: phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng);...

#### *d) Về nộp tiền phạt*

- Khoản 1, 2 và 3 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Nếu quá thời hạn*



nêu trên, thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

2. Tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

Trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

3. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị phạt tiền phải nộp tiền phạt một lần, trừ trường hợp quy định tại Điều 79 của Luật này.

Mọi trường hợp thu tiền phạt, người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt.”

- Tại mục (17) mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, hướng dẫn cụ thể như sau:

“Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt.”

- Tại mục (7) mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA, hướng dẫn cụ thể như sau:

“Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu”

Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền không phải vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn. Tuy nhiên, tại Điều 3 các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 69/QĐ-XPVPHC ngày 20/4/2020; 0000401/QĐ-XPHC ngày 26/02/2020 thể hiện: “ông/bà ... phải nộp tiền phạt tại công an thị trấn Phong Điền trong thời hạn ... ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt”. Như vậy, là không phù hợp với các quy định viện dẫn nêu trên.

Tương tự, là hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo các Quyết định xử phạt số: 0022467/QĐ-XPVPHC ngày 07/5/2019 và số 0000512/QĐ-XPVPHC ngày 14/01/2020.

#### **IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA**

Từ những kết luận nêu trên, để triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đồng thời, chấn chỉnh, khắc phục và xử lý đối với những tồn tại, hạn chế, sai sót trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Trưởng đoàn kiểm tra kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền thực hiện một số nhiệm vụ và xử lý khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai sót như sau:

1. Tiếp tục quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người thi hành công vụ về vai trò, tầm quan trọng của công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung và trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội nói riêng.

2. Quán triệt, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh: Công văn số 2859/UBND-TTr ngày 15/8/2019; Công văn số 11885/UBND-TĐKT ngày 30/12/2020; Công văn số 3708/UBND-TĐKT ngày 07/5/2021; các văn bản về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật: Công văn số 12969/UBND-TP ngày 31/12/2021, Công văn số 90/UBND-TP ngày 05/01/2022; các văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp: Công văn số 2481/STP-BTTP ngày 20/12/2021, Công văn số 1192/STP-BTTP ngày 07/7/2022 và các văn bản có liên quan của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tư pháp.

Đồng thời, tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi vi phạm hành chính trên địa bàn.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bằng các phương thức, hình thức phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp. Phát huy vai trò của công chức Tư pháp - Hộ tịch trong việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thị trấn về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Có giải pháp nâng cao năng lực của đội ngũ những người làm công tác tham mưu cho người có thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân thị trấn thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính.

4. Tiếp tục quan tâm kiện toàn tổ chức, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng tập huấn chuyên sâu nhằm nâng cao nghiệp vụ công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Kiểm tra, rà soát các Quyết định giao quyền xử phạt để kịp thời ban hành Quyết định giao quyền phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (*trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*).

6. Chỉ đạo đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn kiểm tra đã nêu tại Kết luận này. Không để tiếp tục xảy ra sai phạm trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

7. Trên cơ sở các sai sót, hạn chế nêu tại kết luận này, căn cứ quy định tại Chương IV Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về

kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan xem xét xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân có liên quan theo quy định.

#### **V. ĐỀ NGHỊ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN**

1. Rà soát các xã, phường, thị trấn loại 1, loại 2 và đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch để xây dựng phương án sắp xếp đảm bảo xã, phường, thị trấn loại 1, loại 2 được bố trí tối thiểu 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch theo Đề án kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp thực hiện, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Kết luận này./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Các thành viên Đoàn kiểm tra (để biết);
- Trang TTĐT Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, BTTP, Hsơ ĐKT.

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP  
Nguyễn Thanh Sơn**